TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/HS-ST
Ngày: 30-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Liễu và bà Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2025/TLST - HS ngày 27 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo PHẠM VĂN N sinh ngày 10/5/1999, tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: 034099000575; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn T sinh năm 1974 và bà Tô Thị L sinh năm 1976; vợ: Nguyễn Thị Ánh N1 sinh năm 2000; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân: Từ ngày 24/12/2024 đến ngày 27/12/2024, Phạm Văn N có hành vi đánh bạc; ngày 25/7/2025, bị Trưởng phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 40/QĐ-XPHC bằng hình thức phạt tiền 9.700.000 đồng, ngày 15/10/2025, đã nộp phạt. Bản án số 119/2025/HS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm tù về tội đánh bạc; bị tịch thu sung công 37.070.000 đồng tiền thu lợi bất chính phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền Phạm Văn N đã tạm nộp ngày 25/8/2025.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/9/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh H. (Có mặt).

2. Bị cáo HÀ V CHUNG sinh ngày 18/7/1984, tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân: 034084002801; trình độ học vấn: 12/12; con ông Hà Văn T1 sinh năm 1956 và bà Lê Thị M sinh năm 1959; vợ: Nguyễn Thị T2 sinh năm 1986; bị cáo có 03

con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi trú tại xã N từ ngày 17/9/2025 cho đến nay.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Trương Thị T3 sinh năm 1970; địa chỉ: thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

+ Anh Tô Duy L1 sinh năm 1993; địa chỉ: thôn C, Xã T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

+ Anh Phạm Văn T4 sinh năm 1994; địa chỉ: thôn C, Xã T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

+ Anh Vũ Đức T5 sinh năm 2000; địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

+ Anh Đặng Văn T6 sinh năm 1999; địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị Thùy L2 sinh năm 2003; địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

+ Anh Lê Đức A sinh năm 1992; địa chỉ: thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

+ Anh Vũ Hữu K sinh năm 1999; địa chỉ: thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

+ Anh Trương Thế S sinh năm 1991; địa chỉ: thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

+ Anh Bùi Văn H sinh năm 1993; địa chỉ: thôn S, xã T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

+ Anh Tô Duy V1 sinh năm 1998; địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn N và Hà Văn C đều không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực tín dụng nhưng N và C đã sử dụng tiền của của bản thân cho một số cá nhân vay để chi tiêu với mức lãi suất gấp 5 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1. Hành vi của Phạm Văn N:

Trong khoảng thời gian từ ngày 14/ 01/2024 đến ngày 23/11/2024, Phạm Văn N đã cho các cá nhân vay tiền. Tên, tuổi, địa chỉ người vay; thời điểm, số tiền cho vay, lãi suất, tiền lãi và tiền thu lời bất chính cụ thể như sau:

1.1. Bà Trương Thị T3 sinh năm 1970, trú tại thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 14/01/2024, N cho bà T3 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến tháng 10/2024, bà T3 đã trả Nam 20.000.000 đồng tiền gốc và 24.000.000 đồng tiền lãi tương đương với 10 tháng, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 3.287.671 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 20.712.329 đồng.

1.2. Anh Tô Duy L1 sinh năm 1993, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Từ ngày 29/7/2024 đến ngày 03/9/2024, N đã cho anh Tô Duy L1 vay 04 khoản:

- Khoản vay 1: Ngày 29/7/2024, N cho anh L1 vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến ngày 29/11/2024, anh L1 đã trả Nam 10.000.000 đồng tiền gốc và 4.800.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 657.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.142.466 đồng.

- Khoản vay 2: Ngày 19/8/2024, N cho anh L1 vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn 04 tháng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến tháng 12 năm 2024, anh L1 đã trả Nam 20.000.000 đồng tiền gốc và 9.600.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.315.068 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 8.284.932 đồng.

- Khoản vay 3: Ngày 22/8/2024, Nam cho anh L1 vay 10.000.000 đồng, thời hạn 04 tháng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến tháng 12 năm 2024, anh L1 đã trả Nam 10.000.000 đồng tiền gốc và 4.800.000 đồng tiền lãi trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 657.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.142.466 đồng.

- Khoản vay 4: Ngày 03/9/2024, Nam cho anh L1 vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến ngày 03/10/2024, anh L1 đã trả C 5.000.000 đồng tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng

với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 82.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 517.808 đồng.

1.3. Anh Phạm Văn T4 sinh năm 1994, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 03/9/2024 đến ngày 30/9/2024, N đã cho anh Phạm Văn T4 03 khoản:

- Khoản vay 1: Ngày 03/9/2024, N cho anh T4 vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến ngày 03/10/2024, anh T4 đã trả Nam 5.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 82.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 667.808 đồng.

- Khoản vay 2: Ngày 10/9/2024, N cho anh T4 vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến tháng 10 năm 2024, anh T4 đã trả Nam 5.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 82.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 667.808 đồng.

- Khoản vay 3: Ngày 30/9/2024, Nam cho anh T4 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Ngày 30/10/2025, anh T4 đã trả Nam 20.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 328.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng.

1.4. Anh Vũ Đức T5 sinh năm 2000, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/8/2024, N cho anh T5 vay 1.500.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Ngày 24/11/2024, anh T5 đã trả Nam 1.500.000 đồng tiền gốc và 675.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 73.973 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 601.027 đồng.

1.5. Anh Đặng Văn T6 sinh năm 1999, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Từ ngày 11/8/2024 đến ngày 23/11/2024, N đã cho anh Đặng Văn T6 vay 06 khoản:

- Khoản vay 1: Ngày 11/8/2024, N cho anh T6 vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch

dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến tháng 10 năm 2024, anh T6 đã trả Nam 5.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 328.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng.

- Khoản vay 2: Ngày 13/8/2024, N cho anh T6 vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. 13/10/2024, anh T6 đã trả Nam 100.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi của tháng 9 (N không thu tiền lãi tháng 10 đối với khoản vay này), trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.643.836 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 10.356.164 đồng.

- Khoản vay 3: Ngày 13/8/2024, N cho anh T6 vay 25.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến ngày 13/10/2024, anh T6 đã trả Nam 6.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 821.918 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng. Hiện anh T6 chưa trả Nam 25.000.000 đồng tiền gốc.

- Khoản vay 4: Ngày 25/10/2024, Nam cho anh T6 vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến tháng 12 năm 2024, anh T6 đã trả Nam 30.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 3.287.671 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 26.721.329 đồng. Hiện anh T6 chưa trả Nam 200.000.000 đồng tiền gốc.

- Khoản vay 5: Ngày 15/11/2024, N cho anh T6 vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến 15/12/2024, anh T6 đã trả Nam 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 164.384 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

- Khoản vay 6: Ngày 23/11/2024, N cho anh T6 vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. ngày 23/12/2024, anh T6 đã trả Nam 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 164.384 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

1.6. Anh Lê Đức A sinh năm 1992, trú tại thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 25/10/2024, N cho anh Đức A vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Ngày 25/02/2025, anh Đức A1 trả Nam 5.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.643.835 đồng, số tiền N thu lợi bất chính là 10.356.165 đồng. Hiện anh Đức A chưa trả 20.000.000 đồng tiền gốc.

1.7. Anh Vũ Hữu K sinh năm 1999, trú tại thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 28/7/2024, N cho anh K vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến tháng 09 năm 2024, anh T6 đã trả Nam 5.000.000 đồng tiền gốc và 7.200.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 986.301 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.213.699 đồng. Hiện anh K chưa trả Nam 25.000.000 đồng tiền gốc.

1. Hành vi của Hà Văn C:

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/03/2024 đến ngày 12/6/2025 Hà Văn C đã cho các cá nhân vay tiền. Tên, tuổi, địa chỉ người vay; thời điểm, số tiền cho vay, lãi suất và số tiền thu lời bất chính cụ thể như sau:

2.1. Anh Trương Thế S sinh năm 1991, trú tại thôn V, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 11/3/2025, C cho anh S vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến tháng 7 năm 2025, anh S đã trả C 7.200.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 1.315.068 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.884.932 đồng. Hiện anh S chưa trả C 20.000.000 đồng tiền gốc.

1.2. Anh Đặng Văn T6 sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Thùy L2 sinh năm 2003, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Từ ngày 03/9/2024 đến ngày 14/11/2024, C cho vợ chồng anh T6, chị L2 vay 3 khoản:

Khoản vay 1: Ngày 03/9/2024, C cho vợ chồng anh T6 và chị L2 vay 150.000.000 đồng, thỏa thuận vay thời hạn 03 tháng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến tháng 12/2024, anh T6 đã trả C 150.000.000 đồng tiền gốc và 36.000.000 đồng tiền (lãi của 02 tháng và xin không phải trả lãi 01 tháng còn lại thì C đồng ý), trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định

tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 4.931.507 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 31.068.493 đồng.

Khoản vay 2: Ngày 08/10/2024, C cho vợ chồng anh T6, chị L2 vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến tháng 11 năm 2024, anh T6 đã trả C 100.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.643.836 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 10.356.494 đồng.

Khoản vay 3: Ngày 14/11/2024, C cho vợ chồng anh T6, chị L2 vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến tháng 11 năm 2024, anh T6 đã trả C 50.000.000 đồng tiền gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 829.918 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng.

1.3. Anh Bùi Văn H sinh năm 1993, trú tại thôn S, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 12/6/2025, C cho anh H vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. ngày 13/8/2025, anh H đã trả C 20.000.000 đồng tiền gốc và 3.600.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tương ứng với lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 657.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.942.466 đồng.

Cáo trạng số 47/CT-VKSKV7 ngày 26/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên đã truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự và Hà Văn C về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra xác định, trong khoảng thời gian từ trước tháng 5 năm 2023 đến tháng 5 năm 2025, Hà Văn C còn cho Phạm Văn N vay 250.000.000 đồng với lãi suất 2000 đồng/triệu/ ngày tương đương mức lãi suất 73%/năm không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh H đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 78/QĐ-XPHC, ngày 10/11/2025 đối với Hà Văn C. Ngày 30/4/2024, Phạm Văn N còn cho anh Tô Duy V1, sinh năm 1998, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến ngày 30/6/2024, anh V1 đã trả Nam hết số tiền gốc đã vay và 6.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính

theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 821.918 đồng, số tiền N thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng; nhưng đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Phạm Văn N và Hà Văn C không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh, đề nghị tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N và Hà Văn C phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

+ Về hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn N: đề nghị áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 56 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/9/2025 và phạt bổ sung từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng; tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 03 năm tù của bản án số 119/2025/HS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

+ Về hình phạt đối với bị cáo Hà Văn C: đề nghị áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 20; các điểm i, s khoản 1và khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hà Văn C từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung 30.000.000 đồng; miễn khấu trừ thu nhập.

+ Về biện pháp tư pháp: Đề nghị xử lý vật, tiền liên quan đến tội phạm như sau:

Tịch thu sung quỹ nhà nước khoản tiền và tài sản mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội và khoản tiền tiền lãi các bị cáo đã thu được tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự

Buộc các bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khoản tiền thu lợi bất chính.

+ Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài lệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa không có sự thay đổi so với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; các bị cáo đã thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gồm: Đơn tố cáo đề ngày 14/9/2025; Đơn đề nghị giải quyết và lời khai của anh Trương Thế S, anh Lê Đức A, anh Bùi Văn H, anh Phạm Văn T4, anh Vũ Hữu K, anh Tô Duy L1, anh Đặng Văn T6, bà Trương Thị T3, anh Vũ Đức T5, chị Nguyễn Thị Thùy L2; bản sao kê chi tiết giao dịch của ngân hàng Thương mại cổ phần Q, chi nhánh T7 (M1) đối với tài khoản số 0902169235, chủ tài khoản HA VAN CHUNG từ ngày 01/01/2025 đến ngày 16/09/2025; bản sao kê chi tiết giao dịch của ngân hàng thương mại cổ phần C1 (V2) số tài khoản 108868963456, chủ tài khoản PHAM VAN NAM từ ngày 01/01/2023 đến ngày 15/09/2025; Bản sao kê chi tiết giao dịch của ngân hàng thương mại cổ phần C1 (V2) số tài khoản 108868963456, chủ tài khoản PHAM VAN NAM từ ngày 01/01/2023 đến ngày 15/09/2025 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 14/01/2024 đến ngày 23/11/2024, Phạm Văn N đã cho bà Trương Thị T3, anh Tô Duy L1, anh Phạm Văn T4, anh Vũ Đức T5, anh Tô Duy V1, anh Lê Đức A, anh Vũ Hữu K vay tiền, với lãi suất gấp quá 5 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, tổng số tiền cho vay 501.500.000 đồng; tổng tiền lãi thu được 122.175.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với lãi suất cáo nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 15.608.219 đồng, tiền thu lợi bất chính là 106.566.781 đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/03/2024 đến ngày 12/6/2025, Hà Văn C cho anh Trương Thế S, anh Đặng Văn T6, anh Bùi Văn H vay tiền, với lãi suất gấp quá 5 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, tổng số tiền cho vay 340.000.000 đồng; tổng tiền lãi thu được 64.800.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với lãi suất cáo nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 9.369.863 đồng, tiền thu lợi bất chính là 55.430.137 đồng.

[4] Các bị cáo Phạm Văn N và Hà Văn C là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều biết rõ quy định của pháp luật về lãi suất cho vay nhưng vì hám lời, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vị phạm tội của

các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng và trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ.

[5] Bị cáo Phạm Văn N và bị cáo Hà Văn C đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Bị cáo Phạm Văn N phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hà Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố.

[6] Bị cáo Phạm Văn N có nhân thân xấu, từ ngày 24/12/2024 đến ngày 27/12/2024, Phạm Văn N có hành vi đánh bạc, đã bị phạt tù và bị xử phạt hành chính như đã nêu tại phần lý lịch. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là "người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn nă hối cải".

[7] Bị cáo Hà Văn C là người có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đây là lần đầu bị cáo phạm tội; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là "*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" và "*người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*". Bị cáo còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo có ông nội là Hà Ngọc Đ được Chủ tịch nước tăng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba và bác ruột Hà Văn Đ1 là Liệt sĩ chống Mỹ cứu nước; bị cáo có 03 con nhỏ dưới 15 tuổi, trước khi xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp 35.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước để khắc phục hậu quả.

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung; cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Văn N, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định; còn đối với bị cáo Hà Văn C cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Do bị cáo Hà Văn C không có thu nhập ổn định, còn phải nuôi 03 con chưa thành niên nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[9] Về các biện pháp tư pháp:

[9.1] Tổng số tiền mà bị cáo Phạm Văn N dùng để cho vay lãi nặng là 501.500.000 đồng - đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đến nay, những người vay đã

trả cho bị cáo 211.500.000 đồng tiền, còn lại 290.000.000 đồng, những người vay chưa trả cho bị cáo (trong đó: bà Trương Thị T3 còn nợ bị cáo 20.000.000 đồng; anh Vũ Hữu K còn nợ bị cáo 25.000.000 đồng; anh Đặng Văn T6 còn nợ bị cáo 225.000.000 đồng; anh Lê Đức A còn nợ bị cáo 20.000.000 đồng); vì vậy cần phải truy thu số tiền thực tế bị cáo và những người vay đang quản lý.

[9.2] Tổng số tiền mà bị cáo Hà Văn C dùng để cho vay lãi nặng là 340.000.000 đồng - đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đến nay, những người vay đã trả cho bị cáo 320.000.000 đồng, anh Trương Thế S còn nợ bị cáo 20.000.000 đồng; vì vậy cần phải truy thu số tiền thực tế bị cáo và người vay đang quản lý.

[9.3] Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo đã thu của những người vay (Phạm Văn N thu được 15.608.219 đồng, Hà Văn C thu được 9.369.863 đồng) - đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[9.4] Đối với số tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính, cần buộc các bị cáo phải trả lại cho người vay.

[9.5] Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone mà cơ quan điều tra đã quản lý của bị cáo Hà Văn C – đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự

[10] Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn N và Hà Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N và bị cáo Hà Văn C phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".*

2. Về hình phạt:

2.1 Đối với bị cáo Phạm Văn N:

Áp dụng các khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 01 (một) năm tù và phạt bổ sung 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*);

Tổng hợp hình phạt với hình phạt 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc" của Bản án số 119/2025/HS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng

Yên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 04 (B) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2025 và 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

2.2 Đối với bị cáo Hà Văn C:

Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hà Văn C 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*); thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự tỉnh Hưng Yên nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Hà Văn C cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Hưng Yên quản lý, giám sát trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng khoản 1 Điều 46; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 501.500.000 đồng bị cáo Phạm Văn N đã dùng để cho vay.

Trong đó:

- Truy thu từ bị cáo Phạm Văn N 211.500.000 đồng;

- Truy thu từ bà Trương Thị T3 20.000.000 đồng;

- Truy thu từ anh Đặng Văn T6 225.000.000 đồng;

- Truy thu từ anh Vũ Hữu K 25.000.000 đồng;

- Truy thu từ anh Lê Đức A 20.000.000 đồng.

3.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 340.000.000 đồng bị cáo Hà Văn C đã dùng để cho vay.

Trong đó:

- Truy thu từ bị cáo Hà Văn C 320.000.000 đồng;

- Truy thu từ anh Trương Thế S số tiền 20.000.000 đồng.

3.3. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền bị cáo Phạm Văn N phạm tội mà có là 15.608.219 đồng.

3.4. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền bị cáo Hà Văn C phạm tội mà có là 9.369.863 đồng.

3.5. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, (vỏ màu xám, đã qua sử dụng) của Hà Văn C, hiện đang được quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/11/2025.

3.6. Bị cáo Phạm Văn N phải trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người sau:

- Bà Trương Thị T3 20.712.329 đồng;

- Anh Vũ Hữu K 6.213.699 đồng.

- Anh Tô Duy L1 17.087.671 đồng;

- Anh Vũ Đức T5 601.027 đồng;

- Anh Đặng Văn T6 47.589.041 đồng;

- Anh Phạm Văn T4 4.006.849 đồng;

- Anh Lê Đức A 10.356.165 đồng.

3.7. Bị cáo Hà Văn C phải trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người sau:

- Anh Trương Thế S 5.884.932 đồng;

- Vợ chồng anh Đặng Văn T6 và chị Nguyễn Thị Thùy L2 46.602.740 đồng;

- Anh Bùi Văn H 2.942.466 đồng.

3.8. Số tiền 35.000.000 đồng bị cáo Hà Văn C đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền số 0001812 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên được đối trừ vào khoản tiền mà bị cáo bị truy thu sung ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo Chung và N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo Phạm Văn N và Hà Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/12/2025. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị T3, anh Vũ Hữu K, anh Tô Duy L1, anh Vũ Đức T5, anh Đặng Văn T6, chị Nguyễn Thị Thùy L2, anh Phạm Văn T4, anh Lê Đức A, anh Trương Thế S, anh Bùi Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Hưng Yên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh

- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.